

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 263/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1994;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội H, khu T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện tại: Đài Loan.

Người được chị T ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Hà Thu H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn T1, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Đội H, khu T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Nơi làm việc: Ngã 3 dốc Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: Đội H, khu T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 có quan điểm giải quyết vắng mặt, bà G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Lương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 17/5/2012. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 chơi bời, không quan tâm đến gia đình, con cái, bên cạnh đó công việc làm ăn của anh gặp nhiều khó khăn và bị thua lỗ dẫn đến nợ nần. Do đó, chị phải đi lao động ở nước ngoài để trang trải kinh tế và ổn định cuộc sống gia đình. Anh T2 cũng thường xuyên đi làm vắng nhà, ngoài ra anh còn ghen tuông vô cớ, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên tình cảm có nhiều rạn nứt. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Vũ Hà C, sinh ngày 01/3/2012 và Lương Tuấn Đ, sinh ngày 10/11/2016, hiện các con đang ở với bà nội là bà Phạm Thị G. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bà Phạm Thị G thay chị chăm sóc các con cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà G chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị T đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Hà Thu H thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lương Văn T1 trình bày: Anh và chị Vũ Thị T có quan hệ hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình anh, cuộc sống có nhiều lúc cãi vã nhưng không đáng

kể. Do điều kiện kinh tế, vợ chồng bàn bạc để chị T đi lao động tại Đài Loan để xây dựng kinh tế gia đình từ năm 2023, còn anh đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc hỏi thăm nhau nhưng về sau phát sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mỗi người ở một nơi, khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách vợ chồng cũng không hòa hợp được, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm cũng không còn như ban đầu. Mặc dù được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng, hiện các con đang ở với anh và mẹ đẻ anh là bà Phạm Thị G. Anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lương Tuấn Đ, sinh ngày 10/11/2016 và giao con chung Lương Vũ Hà C, sinh ngày 01/3/2012 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí để con Lương Vũ Hà C cho bà Phạm Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các biên bản lấy lời khai, bà Phạm Thị G là mẹ đẻ anh T1 trình bày:* Anh Lương Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện tại anh đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể như thế nào bà không nắm được, anh không báo cáo với chính quyền địa phương về việc đi làm ăn xa. thỉnh thoảng anh vẫn về nhà với bà và các con, anh vẫn thường xuyên liên lạc cho bà để gặp gỡ các con. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T1 biết, thông qua gia đình anh T1 trình bày do chị T có người khác nên mới làm đơn xin ly hôn anh. Tuy nhiên khi làm đơn chị T không nói cho anh biết nên anh không có ý kiến quan điểm gì, việc ly hôn là do chị T tự giải quyết. Anh T2 xác định vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng, trước khi đi nước ngoài chị T đã gửi bà Phạm Thị G chăm sóc hai con cho đến khi chị về nước, trong quá trình giải quyết anh không có quan điểm về việc nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà G trình bày, do chị T và anh T2 nhờ bà chăm sóc các cháu nên bà có trách nhiệm chăm sóc hai cháu cho đến khi chị T về nước, chị T vẫn gửi tiền về cho bà nuôi dưỡng con chung.

Con chung của chị T, anh T2 là cháu Lương Vũ Hà C và Lương Tuấn Đ có nguyện vọng được ở với chị T và bà G.

*Người được chị T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Hà Thu H trình bày:* Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị T biết, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị T, anh T2 đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị T và anh T2 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình chung sống anh T2 có làm kinh doanh nhà nghỉ nhưng do dịch C1 nên không làm ăn được và bị thua lỗ, vỡ nợ. Sau đó chị T đi lao động ở nước ngoài để trang trải kinh tế gia đình. Tuy nhiên, do điều kiện mỗi người ở một nơi nên tình cảm có sự thay đổi, vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu và quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Lương Văn T1. Về con chung: Giao con chung Lương Vũ Hà C cho chị T và giao con Lương Tuấn Đ cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Lương Vũ Hà C cho bà Phạm Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại đội Hồ N, khu T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn anh Lương Văn T1 có địa chỉ cư trú tại đội H, khu T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị T không có mặt ở Việt Nam

nhưng chị đã có đơn khởi kiện, bản tự khai và ủy quyền cho chị Hà Thu H thay chị giao nhận tại Tòa án. Đơn khởi kiện và các tài liệu của chị đã được Văn phòng K tại Đài Bắc chức thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh T1 và bà G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Lương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 17/5/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp được và không có tiếng nói chung. Do điều kiện kinh tế khó khăn, chị T đi lao động ở Đài Loan từ năm 2023, từ khi chị T đi mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, và không có biện pháp hàn gắn, tháo gỡ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T1. Anh T2 cũng xác định từ khi chị T đi lao động ở Đài Loan vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, Tòa án nhiều lần báo anh về để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh đều vắng mặt, chứng tỏ anh không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh T2.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T2 có 02 con chung là Lương Vũ Hà C, sinh ngày 01/3/2012 và Lương Tuấn Đ, sinh ngày 10/11/2016, hiện các con đang ở với anh T2 và bà Phạm Thị G. Chị T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam chị ủy quyền cho bà G thay chị chăm sóc các con chung. Anh T2 có quan điểm mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Lương Tuấn Đ, chị T nuôi con Lương Vũ Hà C cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Con chung Lương Vũ Hà C và Lương Tuấn Đ đều có nguyện vọng được ở với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các con cùng có nguyện vọng được ở với chị T, tuy nhiên hiện tại chị T đang lao động tại Đài Loan nên chị không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T2 vẫn đang sinh sống tại địa phương, anh có nguyện vọng mỗi người nuôi một con là phù hợp

với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần giao con chung Lương Vũ Hà C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Lương Tuấn Đ cho anh T2 tiếp tục được chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Lương Vũ Hà C cho bà G chăm sóc cho đến khi chị T về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Lương Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lương Vũ Hà C, sinh ngày 01/3/2012; giao cho anh Lương Văn T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lương Tuấn Đ, sinh ngày 10/11/2016 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Lương Vũ Hà C cho bà Phạm Thị G nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000417 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Vũ Văn T3 nộp thay). Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày, anh Lương Văn T1 và bà Phạm Thị G được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Tân Dân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**